TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2020.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Ngân;

Ông Bùi Văn Dương.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị C, sinh năm 1997.

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh L.
Tạm trú: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1996.

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

3. Những người làm chứng:

3.1 Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1980 – Có mặt.

3.2 Bà Triệu Thị M, sinh năm 1991 - Vắng mặt.

3.3 Bà Triệu Thị L, sinh năm 1992 - Vắng mặt.

3.4 Ông Lý Ồng N, sinh năm 1988 - Vắng mặt.

3.5 Ông Phùng Thừa M, sinh năm 1981 - Vắng mặt.

Đều cư trú: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh L.

3.6 Bà Lý Thị T, sinh năm 1982 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Phùng Thị C trình bày về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Xuân T tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 10/2014 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của dân tộc mình. Đến ngày 02/11/2016 anh, chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh L. Trong thời gian chung sống trước khi kết hôn và sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hiểu nhau và không ai chịu thông cảm cho ai nên khiến cho tình cảm của vợ chồng ngày càng căng thẳng. Anh T không tin tưởng luôn nghi ngờ Chị ngoại tình, thường tìm cớ đổ lỗi cho chị khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, thỉnh thoảng vợ chồng chửi bới, xúc phạm nhau. Nhiều lần sau khi vợ chồng cãi nhau chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã D huyện V ở nhờ và cũng là từng ấy lần cho anh T có cơ hội sửa chữa, nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy không có thay đổi gì. Mỗi lần chị quay về ở cùng anh T được vài bữa là anh T lại quay ra chửi bới, xúc phạm chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Đến đầu tháng 7/2020 thì Chị đã bỏ hẳn về ở cùng bố mẹ đẻ ở xã D cho đến nay. Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị đươc ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

Về con cái: Chị và anh Hoàng Xuân T có 02 con chung, cháu thứ nhất là Hoàng Thị Thùy L - sinh ngày 13/12/2015; cháu thứ hai là Hoàng Thị Thúy N - sinh ngày 13/7/2017. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu N ở cùng với Chị, còn cháu L đã ở cùng anh T. Khi ly hôn, Chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Thúy N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, đề nghị anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Thùy L đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cùng bên nào.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Chị Phùng Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Xuân T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và ngày, tháng, địa điểm đăng ký kết hôn như chị Phùng Thị C trình bầy là đúng. Sau khi chung sống và kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm, từ năm 2014 - 2019, sau đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ Anh hay tự ý bỏ nhà đi không xin phép và nói cho Anh biết. Từ việc đó dẫn đến nhiều lần vợ chồng cãi nhau cộng với áp lực trong cuộc sống làm tình không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Anh nhận thấy, mặc dù chị C nhiều lần bỏ về nhà ngoại rồi lại về ở cùng với Anh nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, Anh vẫn rất thương yêu vợ, con, Anh mong vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, không nhất trí ly hôn với chị C.

Về nuôi con chung: Anh và chị Phùng Thị C có 02 con chung cháu thứ nhất là Hoàng Thị Thùy L - sinh ngày 13/12/2015; cháu thứ hai là Hoàng Thị Thúy N - sinh ngày 13/7/2017. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu N ở cùng với chị C, còn cháu L đã ở cùng với Anh. Nếu ly hôn Anh đề nghị được nuôi cả hai cháu L và N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, Anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Nếu ly hôn Anh và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử chị Phùng Thị C được ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Hoàng Thị Thúy N, sinh ngày 13/7/2017 cho chị Phùng Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Giao cháu Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Hoàng Xuân T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Phùng Thị C và anh Hoàng Xuân T không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Thị C phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Phùng Thị C yêu cầu tranh chấp Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Xét thấy, bị đơn anh Hoàng Xuân T cư trú tại Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Phùng Thị C và anh Hoàng Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh L như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị C và anh Hoàng Xuân T là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị C và anh T sinh sống; nơi chị C bỏ về sinh sống cùng bố, mẹ đẻ từ đầu tháng 7/2020 và anh T, chị C xác định anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hiểu nhau và đôi khi mất niềm tin với nhau cộng với áp lực công việc gia đình dẫn đến vợ chồng luôn căng thẳng với nhau. Mỗi lần mâu thuẫn chị C lại tự ý bỏ về nhà Bố, Mẹ đẻ ở xã D, huyện V, anh T đã nhiều lần xuống đón chị C về chung sống nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn đến đầu tháng 7/2020 thì chị C mang theo con nhỏ là cháu Hoàng Thị Thúy N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T công nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc anh T không đồng ý ly hôn chỉ kéo dài sự ràng buộc không cần thiết. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C về việc ly hôn anh T.

[3] Về nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung của chị Phùng Thị C và anh Hoàng Xuân T là chính đáng. Tuy nhiên khi giao con cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét bản thân chị C là lao động tự do tại địa phương có mức thu nhập là 5.000.000đ/tháng, thực tế hiện nay cháu Hoàng Thị Thúy N còn nhỏ và chị C đã đưa cháu đi ở cùng và đã cho cháu học tại trường mầm non xã D; Anh T là lao động phổ thông và làm thuê có thu nhập 8.000.000đ/tháng và thực tế hiện nay cháu Hoàng Thị Thùy L đang sinh sống, học tập ở xã N cùng với anh T. Với mức thu nhập của chị C, anh T và không làm xáo trộn cuộc sống, việc học tập của các cháu nên giao cháu Hoàng Thị Thúy N, sinh ngày 13/7/2017 cho chị Phùng Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Giao cháu Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Hoàng Xuân T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Phùng Thị C và anh Hoàng Xuân T không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Phùng Thị C phải chịu án phí vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phùng Thị C.

- Về hôn nhân: Chị Phùng Thị C được ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thị Thúy N, sinh ngày 13/7/2017 cho chị Phùng Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Giao cháu Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Hoàng Xuân T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Phùng Thị C và anh Hoàng Xuân T không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Thị C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2012/0007159 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Phùng Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Hoàng Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã N(01);
- Các đương sự(01);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái